

Số: 1123/QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 06 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Cẩm Giàng khóa XX, kỳ họp thứ 6 về phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 62/TTr-TCKH ngày 05 tháng 4 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng năm 2023 của huyện Cẩm Giàng (theo các biểu chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính (để b/c);
- TT HU, TT HĐND (để b/c);
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử huyện (đăng tải);
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Trần Văn Quyết



## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023)

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023 cho huyện Cẩm Giàng; Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Cẩm Giàng; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện về việc phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Trong 3 tháng đầu năm 2023, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND huyện, công tác điều hành của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, công tác thực hiện dự toán ngân sách đạt được những kết quả tích cực. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện quý II năm 2023, như sau:

#### I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 3 tháng đầu năm 2023

1. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: Thực hiện 3 tháng: 399.380 triệu đồng, đạt 73,59% dự toán giao, bằng 179,65% so cùng kỳ. Trong đó ngân sách địa phương được hưởng: 60.739 triệu đồng.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý thực hiện: 699 triệu đồng, đạt 107,54% dự toán tỉnh giao, bằng 71,62% so với cùng kỳ; Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện: 191.805 triệu đồng, bằng 191,73% so với cùng kỳ; thu từ khu vực ngoài quốc doanh thực hiện: 44.169 triệu đồng, đạt 58,89% dự toán tỉnh giao, bằng 113,85% so với cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân thực hiện: 57.142 triệu đồng, đạt 464,57% kế hoạch tỉnh giao, bằng 120,62% so với cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện: 337 triệu đồng, đạt 24,3% kế hoạch tỉnh giao, bằng 269,6% so với cùng kỳ; Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước thực hiện: 3.175 triệu đồng, đạt 37,35% so với dự toán tỉnh giao, bằng 154,8% so với cùng kỳ; Thu lệ phí trước bạ thực hiện: 9.485 triệu đồng bằng 29,64% dự toán tỉnh giao, bằng 94,66% so cùng kỳ; Các khoản thu từ phí và lệ phí thực hiện: 2.014 triệu đồng, đạt 61,03% dự toán tỉnh giao và 95,77% so với cùng kỳ; Thu khác ngân sách thực hiện: 3.222 triệu đồng, đạt 40,28% so với dự toán tỉnh giao, bằng 197,06% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện: 68.277 triệu đồng, đạt 34,14% so với kế hoạch tỉnh giao (bằng 17,51% so với kế hoạch huyện giao), bằng 529,16% so với cùng kỳ.



- Các khoản thu tại xã thực hiện: 12.823 triệu đồng, đạt 801,44% dự toán tỉnh giao.

**2. Các khoản thu huy động đóng góp:** Thực hiện 2.000 triệu đồng.

**3. Thu chuyển giao ngân sách:** 154.442 triệu đồng.

**4. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước:** 171.068 triệu đồng

Tổng thu chuyển nguồn ngân sách địa phương 3 tháng: 171.068 triệu đồng.  
Trong đó: Ngân sách cấp huyện: 136.847 triệu đồng; ngân sách cấp xã: 34.221 triệu đồng.

## **II. Kết quả thực hiện chi huyện 3 tháng đầu năm 2023**

Tổng chi ngân sách huyện thực hiện 3 tháng là: 145.850 triệu đồng, đạt 27,15% dự toán tỉnh giao (bằng 23,25% so với dự toán huyện giao), bằng 126,34% so cùng kỳ, trong đó:

**1. Chi cân đối ngân sách huyện:** Thực hiện 3 tháng đầu năm là: 88.408 triệu đồng, đạt 16,46% dự toán tỉnh giao (bằng 14,09% dự toán huyện giao), gồm:

- Chi đầu tư thực hiện: 7.362 triệu đồng đạt 6,1% dự toán tỉnh giao (bằng 3,49% so với dự toán huyện giao), bằng 139,38% so cùng kỳ.

- Chi thường xuyên thực hiện: 81.046 triệu đồng, đạt 19,97% dự toán giao, bằng 104,02% so với cùng kỳ.

**2. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới:** Thực hiện: 57.442 triệu đồng.

## **III. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách 3 tháng**

### **1. Thu ngân sách**

**a. Thu cân đối NS từ kinh tế trên địa bàn:** Trong 3 tháng đầu năm 2023, số thu cân đối NSNN đạt 115,93% dự toán tỉnh giao, bằng 178,73% so với cùng kỳ.

Trong các chỉ tiêu giao thu cân đối có những chỉ tiêu thu đạt khá cao đó là: Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 464,57% dự toán tỉnh giao; Các khoản thu tại xã đạt 801,44% so với dự toán tỉnh giao; Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý đạt 107,54% dự toán tỉnh giao.

Có 02 chỉ tiêu thu đạt tỷ lệ thấp so với dự toán quý I/2023 là: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 24,3% dự toán tỉnh giao, Thu tiền sử dụng đất đạt 17,07% dự toán giao.

### **b. Về tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, công tác thu ngân sách còn hạn chế, khó khăn cần khắc phục như sau:

- Công tác phối hợp quản lý số thu phát sinh trên địa bàn giữa UBND xã, thị trấn với cơ quan thuế chưa cao, chưa hiệu quả, tiến độ triển khai quy trình đấu giá quyền sử dụng đất chậm, nguồn thu tiền sử dụng đất chưa đảm bảo theo kế hoạch đề ra, (từ đầu năm đến hết quý I/2023 chưa có xã, thị trấn nào thực hiện



việc đấu giá, chủ yếu là nguồn tiền đất của các xã đấu giá năm cuối năm 2022 chuyển sang nộp trong năm 2023).

## **2. Về chi ngân sách**

### **a. Chi thường xuyên**

- Các chế độ chi cho con người và chi đảm bảo hoạt động theo dự toán, các chính sách an sinh xã hội, các khoản chi sự nghiệp, chi đầu tư xây dựng cơ bản đã giải ngân đảm bảo theo kế hoạch.

- Triển khai thực hiện kịp thời các nội dung chi để phục vụ nhiệm vụ trong chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, quản lý chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

### **b. Chi xây dựng cơ bản**

- Công tác phân bổ vốn đầu tư XDCB theo Nghị quyết HĐND huyện được thực hiện nghiêm túc, công tác phân bổ được triển khai theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách huyện và vốn cấp trên hỗ trợ, phòng Tài chính – Kế hoạch đã chủ động phối hợp với Kho bạc Nhà nước đơn đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, UBND các xã, thị trấn trong công tác giải ngân nguồn vốn đầu tư XDCB và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư kịp thời, đúng chế độ.

- Thực hiện nghiêm, hiệu quả các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn đầu tư công. Nợ XDCB của huyện giảm dần, quy trình, thủ tục trong chuẩn bị đầu tư dự án được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

### **c. Tồn tại, hạn chế**

- Về chi thường xuyên: Vẫn còn hiện tượng bổ sung dự toán thực hiện các nhiệm vụ phát sinh so với dự toán giao đầu năm.

- Về chi xây dựng cơ bản: Để đáp ứng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng trụ sở công an cấp xã, do nhu cầu nguồn vốn nhiều nhưng việc bố trí vốn ngân sách còn khó khăn, mặt khác do điều chỉnh, thay đổi về chính sách dẫn đến chậm tiến độ thi công và công tác thanh, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

## **3. Công tác quản lý tài chính, ngân sách và công tác khác**

### **a. Kết quả thực hiện**

- Đổi mới cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quản lý giá cả và tài sản công: Đơn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thuộc danh mục đăng ký giá phải thực hiện nghiêm túc việc đăng ký giá, kê khai giá và niêm yết giá để công khai giá bán. Quản lý chặt chẽ các



cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp về chấp hành việc mua sắm tài sản đúng tiêu chuẩn, định mức, đảm bảo sử dụng tài sản hiệu quả.

**b. Những tồn tại, hạn chế**

- Công tác quản lý tài chính ngân sách của một số xã còn những tồn tại, hạn chế nhất định như tình trạng duyệt chi vượt dự toán được giao. Công tác quản lý quỹ đất công ích tại một số xã chưa chặt chẽ, diện tích đất công ích giao khoán so với diện tích đất quản lý trên bản đồ thấp, dẫn đến thất thu ngân sách trên địa bàn.

**Tóm lại:** Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2023 đã đạt được kết quả tích cực: Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước được triển khai đồng bộ giữa các cấp, các ngành; công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, bảo đảm thực sự tiết kiệm và hiệu quả. Ngân sách các cấp đã điều hành chủ động đáp ứng các nhiệm vụ chi ngân sách theo dự toán và một số nhiệm vụ trọng tâm phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trên đây thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước huyện Cẩm Giàng 3 tháng năm 2023. Ủy ban nhân dân huyện trân trọng báo cáo./.



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 03 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST<br>T | NỘI DUNG                                  | Dự toán<br>tính giao | Thực hiện<br>03 tháng | So sánh thực hiện<br>với (%) |                         |
|---------|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------------|
|         |                                           |                      |                       | Dự toán<br>năm               | Cùng kỳ<br>năm<br>trước |
| A       | B                                         | 1                    | 2                     | 3=2/1                        | 4                       |
| A       | TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN          | 542.737              | 725.890               | 133,75                       | 121,41                  |
| I       | Thu cân đối NSNN                          | 542.737              | 399.380               | 73,59                        | 179,65                  |
| 1       | Thu nội địa                               | 542.737              | 399.380               | 73,59                        | 179,65                  |
| 2       | Thu viện trợ                              | -                    |                       |                              |                         |
| II      | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | -                    | 171.068               |                              | 97,99                   |
| III     | Thu phản ánh qua ngân sách                | -                    | -                     |                              |                         |
| IV      | Thu chuyển giao ngân sách                 | -                    | 155.442               |                              | 77,34                   |
| B       | TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN                  | 627.239              | 145.850               | 23,25                        | 126,34                  |
| I       | Tổng chi cân đối ngân sách huyện          | 627.239              | 88.408                | 14,09                        | 106,26                  |
| 1       | Chi đầu tư phát triển                     | 210.661              | 7.362                 | 3,49                         | 139,38                  |
| 2       | Chi thường xuyên                          | 405.833              | 81.046                | 19,97                        | 104,02                  |
| 3       | Dự phòng ngân sách                        | 10.745               | -                     |                              |                         |
| II      | Chi chuyển giao ngân sách                 | -                    | 57.442                |                              | 178,14                  |
| III     | Chi từ nguồn tăng thu NS                  | -                    |                       |                              |                         |



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 THÁNG NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST<br>T  | NỘI DUNG                                              | Dự toán<br>tỉnh giao | Thực hiện<br>03 tháng | So sánh thực hiện với<br>(%) |                      |
|----------|-------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------|
|          |                                                       |                      |                       | Dự toán<br>năm               | Cùng kỳ<br>năm trước |
| A        | B                                                     | 1                    | 2                     | 3=2/1                        | 4                    |
| <b>A</b> | <b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>                     | <b>542.737</b>       | <b>725.890</b>        | <b>133,75</b>                | <b>121,41</b>        |
| <b>I</b> | <b>Thu nội địa</b>                                    | <b>542.737</b>       | <b>399.380</b>        | <b>73,59</b>                 | <b>179,65</b>        |
| 1        | Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước                  | 650                  | 699                   | 107,54                       | 71,62                |
| 2        | Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài  | -                    | 191.805               |                              | 191,73               |
| 3        | Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh               | 75.000               | 44.169                | 58,89                        | 113,85               |
| 4        | Thuế thu nhập cá nhân                                 | 12.300               | 57.142                | 464,57                       | 120,62               |
| 5        | Thuế bảo vệ môi trường                                | -                    | 4.184                 |                              | 71,19                |
| 6        | Lệ phí trước bạ                                       | 32.000               | 9.485                 | 29,64                        | 94,66                |
| 7        | Thu phí, lệ phí                                       | 3.300                | 2.014                 | 61,03                        | 95,77                |
| 8        | Các khoản thu về nhà, đất                             | 409.887              | 71.789                | 17,51                        | 476,09               |
| -        | Thuế sử dụng đất nông nghiệp                          | -                    | -                     |                              |                      |
| -        | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                      | 1.387                | 337                   | 24,30                        | 269,60               |
| -        | Thu tiền sử dụng đất                                  | 400.000              | 68.277                | 17,07                        | 529,16               |
| -        | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước                      | 8.500                | 3.175                 | 37,35                        | 154,80               |
| -        | Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước | -                    | -                     |                              |                      |
| 9        | Thu cấp quyền khai thác khoáng sản                    | -                    | -                     |                              |                      |
| 10       | Thu khác ngân sách                                    | 8.000                | 3.222                 | 40,28                        | 197,06               |
| 11       | Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác        | 1.600                | 12.823                | 801,44                       | 3.119,95             |
| 12       | Thu huy động đóng góp                                 | -                    | 2.048                 |                              |                      |
| <b>B</b> | <b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>   | <b>203.391</b>       | <b>60.739</b>         | <b>29,86</b>                 | <b>154,49</b>        |
| 1        | Từ các khoản thu phân chia                            | 198.431              | 56.377                | 28,41                        | 203,90               |
| 2        | Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%         | 4.960                | 4.362                 | 87,94                        | 37,39                |



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 03 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

| ST<br>T    | NỘI DUNG                                                          | Dự toán<br>tính giao | Thực hiện<br>03 tháng | So sánh thực hiện với<br>(%) |               |
|------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------------|---------------|
|            |                                                                   |                      |                       | Dự toán<br>năm               | Cùng kỳ       |
| A          | B                                                                 | 1                    | 2                     | 3=2/1                        | 4             |
|            | <b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                                   | <b>627.239</b>       | <b>145.850</b>        | <b>23,25</b>                 | <b>70,61</b>  |
| <b>A</b>   | <b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                                | <b>627.239</b>       | <b>88.408</b>         | <b>14,09</b>                 | <b>73,77</b>  |
| <b>I</b>   | <b>Chi đầu tư phát triển</b>                                      | <b>210.661</b>       | <b>7.362</b>          | <b>3,49</b>                  | <b>0,41</b>   |
| 1          | Chi đầu tư cho các dự án                                          | 210.661              | 7.362                 | 3,49                         | 40,98         |
| 2          | Chi đầu tư phát triển khác                                        | -                    | -                     |                              |               |
| <b>II</b>  | <b>Chi thường xuyên</b>                                           | <b>405.833</b>       | <b>81.046</b>         | <b>19,97</b>                 | <b>94,65</b>  |
|            | <i>Trong đó:</i>                                                  |                      |                       |                              |               |
| 1          | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề                                | 285.941              | 55.196                | 19,30                        | 49,86         |
| 2          | Chi khác ngân sách                                                | 337                  | 620                   | 183,98                       | 153,09        |
| 3          | Chi y tế, dân số và gia đình                                      | 421                  | -                     |                              |               |
| 4          | Chi văn hóa thông tin, thể thao                                   | 2.863                | 1.419                 | 49,56                        | 81,50         |
| 5          | Chi phát thanh, truyền hình                                       | 1.557                | 253                   | 16,25                        | 29,66         |
| 6          | Chi an ninh quốc phòng                                            | 6.902                | 1.648                 | 23,88                        | 63,83         |
| 7          | Chi bảo vệ môi trường                                             | 23.214               | 3.156                 | 13,60                        | 57,41         |
| 8          | Chi hoạt động kinh tế                                             | 9.133                | 1.665                 | 18,23                        | 31,75         |
| 9          | Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể      | 33.319               | 7.314                 | 21,95                        | 47,80         |
| 10         | Chi bảo đảm xã hội                                                | 42.146               | 9.775                 | 23,19                        | 46,33         |
| <b>III</b> | <b>Dự phòng ngân sách</b>                                         | <b>10.745</b>        |                       |                              |               |
| <b>B</b>   | <b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC<br/>TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b> |                      |                       |                              |               |
| 1          | Chương trình mục tiêu quốc gia                                    |                      |                       |                              |               |
| 2          | Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư                  |                      |                       |                              |               |
| 3          | Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí chi thường xuyên            |                      |                       |                              |               |
| <b>C</b>   | <b>CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI</b>                             |                      | <b>57.442</b>         |                              | <b>103,27</b> |